

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SIMCO SÔNG ĐÀ**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 5</b>
<b>3. Báo cáo soát xét</b>	<b>6 -7</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	<b>8 - 11</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>12</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>13 - 14</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>15 - 43</b>

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0101401706 ngày 21 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 14 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi tên Công ty, trụ sở hoạt động và vốn điều lệ.

**Vốn điều lệ:** **131.034.260.000 VND**

***Trụ sở hoạt động***

Địa chỉ : Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội  
Điện thoại : 04 3 552 0402  
Fax : 04 3 552 0401  
Mã số thuế : 0101401706

***Các đơn vị trực thuộc:***

Tên đơn vị	Địa chỉ
Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh	Số 16, đường Hằng Chi, thành phố Hà Tĩnh
Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật – Công nghệ - Kinh tế Simco Sông Đà	Xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà – Xí nghiệp xây dựng Simco Sông Đà	Tòa nhà Simco Sông Đà, Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà – Trung tâm du lịch	Tòa nhà Simco Sông Đà, Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội

***Ngành nghề kinh doanh***

- Hoạt động xuất khẩu lao động (theo quy định của pháp luật và theo ủy quyền của Tổng Công ty Sông Đà);
- Dịch vụ tư vấn du học;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh: Vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng, máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm gỗ từ tre, nứa;
- Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy; Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ thể thao vui chơi giải trí;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, linh kiện điện tử, tin học, máy tính, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị viễn thông, truyền thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng;
- Tư vấn thiết kế trang Web, lắp đặt mạng máy tính, thi công mạng điện tử viễn thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Dịch vụ quản lý các khu đô thị;
- Thành lập các trung tâm thương mại, trung tâm nghiên cứu ứng dụng phục vụ cho các ngành kinh tế quốc dân trong và ngoài nước;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ phần mềm và phát triển công nghệ tin học;
- Tư vấn nghiên cứu ứng dụng phát triển và chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao;
- Thiết kế, thi công, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng và thiết bị máy tính, điện tử, tin học, viễn thông, truyền thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật liệu điện;
- Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, nước khoáng, nước tinh lọc;
- Sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Nghiên cứu sản xuất một số loại vật liệu xây dựng;
- Buôn bán các mặt hàng về hóa mỹ phẩm (cho cả nam và nữ);
- Mở các trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc người già Việt Nam và người già nước ngoài (không bao gồm dịch vụ khám chữa bệnh);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan;
- Xây dựng và kinh doanh các công trình cơ sở hạ tầng;
- Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng phục vụ xuất khẩu lao động; Mua bán và vận chuyển than;
- Nhận ủy thác đầu tư của tổ chức và cá nhân (không bao gồm nhận ủy thác đầu tư liên quan đến hoạt động chứng khoán, nhận ủy thác đầu tư liên quan đến hoạt động của tổ chức tín dụng, kinh doanh bảo hiểm);
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản, Dịch vụ quảng cáo bất động sản, Dịch vụ quản lý bất động sản, Dịch vụ môi giới bất động sản, Dịch vụ định giá bất động sản;
- Thiết kế thời trang đồ nội ngoại thất (không bao gồm thiết kế nội ngoại thất công trình);
- Sáng tác, sản xuất và mua bán các loại tượng phù điêu, tranh nghệ thuật;
- In ấn tranh nghệ thuật, tranh truyền thống cổ động và các văn hóa phẩm được phép lưu hành (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Sáng tác, lập dự án đầu tư, thi công xây dựng các công trình tượng đài, tranh hoành tráng, tranh nghệ thuật, tranh lịch sử (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Trang trí nội ngoại thất các công trình văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa và các công trình xây dựng khác thuộc nhóm C và một số hạng mục thuộc nhóm B;
- Kinh doanh sản phẩm vật tư, thiết bị chuyên ngành mỹ thuật, sản phẩm mỹ thuật, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản (trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh bất động sản, kho bãi, kho ngoại quan, các hoạt động dịch vụ vận tải và hoạt động logistics;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Dạy nghề; Đào tạo cao đẳng;
- Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ.

#### **Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**

Ngày 10 tháng 4 năm 2014 Hội đồng quản trị Công ty đã ra quyết định số 58/SIMCO-HĐQT về việc tạm ngừng hoạt động Trung tâm du lịch trực thuộc Công ty. Theo đó Trung tâm du lịch sẽ tạm ngừng hoạt động trong thời hạn từ ngày 20 tháng 5 năm 2014 đến ngày 20 tháng 5 năm 2015.

#### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 43).

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

***Hội đồng quản trị***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Chu Minh Tuấn	Chủ tịch	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)	
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Ủy viên	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)	
Bà Đặng Thị Thường	Ủy viên	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)	
Ông Hà Quang Nhân	Ủy viên	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)	
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Ủy viên	18 tháng 4 năm 2013	

***Ban kiểm soát***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Chu Tuấn Anh	Trưởng ban	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)
Ông Võ Kim Sơn	Thành viên	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)
Ông Hà Hồng Ninh	Thành viên	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)

***Ban Tổng Giám đốc***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 23 tháng 5 năm 2013	
Ông Trần Hoàng Khánh	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 23 tháng 5 năm 2013	11 tháng 7 năm 2014
Bà Đặng Thị Thường	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 23 tháng 5 năm 2013	11 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Phó Tổng giám đốc	6 tháng 8 năm 2012	
Ông Nguyễn Ngọc Kim	Phó Tổng giám đốc	6 tháng 8 năm 2009	11 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Trọng Đạt	Phó Tổng giám đốc	21 tháng 2 năm 2011	

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

---

**Nguyễn Thiện Mỹ**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Số: 374/2014/BCTC-KTTV - TV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 20 tháng 8 năm 2014, từ trang 08 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình soát xét chúng tôi nhận thấy tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2014, một số khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác, do không thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty này nên Công ty chưa xem xét đánh giá dự phòng của các khoản đầu tư bị giảm giá (nếu có) (chi tiết xem thuyết minh báo cáo tài chính số V.14, V.15 ). Với các tài liệu hiện có chúng tôi không thể đánh giá ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**

---

**Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc**  
*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1*

---

**Trần Kim Anh - Kiểm toán viên**  
*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1907-2013-008-1*

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>148,734,210,561</b>	<b>158,590,946,473</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>6,963,427,162</b>	<b>5,720,640,886</b>
1. Tiền	111		6,963,427,162	5,720,640,886
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>7,938,105,611</b>	<b>10,536,309,544</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	7,938,105,611	10,536,309,544
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20,954,656,717</b>	<b>20,702,255,045</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	5,439,927,814	6,015,972,046
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	5,518,246,850	5,519,011,350
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	14,564,079,552	13,734,869,148
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(4,567,597,499)	(4,567,597,499)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>101,574,577,424</b>	<b>110,955,245,126</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	101,574,577,424	110,955,245,126
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11,303,443,647</b>	<b>10,676,495,872</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	177,055,154	54,455,738
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		456,498,991	337,813,905
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		457,571	457,571
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	10,669,431,931	10,283,768,658

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>173,374,093,355</b>	<b>164,625,253,085</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>54,203,705,321</b>	<b>55,117,610,243</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	45,411,702,621	46,452,672,720
<i>Nguyên giá</i>	222		62,062,669,427	62,117,205,791
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16,650,966,806)	(15,664,533,071)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228	V.11	282,160,000	282,160,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(282,160,000)	(282,160,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	8,792,002,700	8,664,937,523
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>116,298,007,754</b>	<b>106,702,387,738</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	36,513,644,823	26,456,866,008
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	77,147,688,166	78,297,688,166
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	21,504,000,000	21,504,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(18,867,325,235)	(19,556,166,436)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2,872,380,280</b>	<b>2,805,255,104</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	928,249,917	1,320,217,868
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	172,586,463	287,041,736
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.19	1,771,543,900	1,197,995,500
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>322,108,303,916</b>	<b>323,216,199,558</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>142,733,940,857</b>	<b>129,002,037,590</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>71,637,566,404</b>	<b>81,722,194,982</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	2,960,000,000	5,160,000,000
2. Phải trả người bán	312	V.21	5,875,535,683	6,850,071,740
3. Người mua trả tiền trước	313	V.22	17,923,405,263	23,430,440,263
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	8,554,356,206	9,754,827,866
5. Phải trả người lao động	315		3,418,572,972	4,422,877,118
6. Chi phí phải trả	316	V.24	246,379,500	709,505,398
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	31,801,925,208	31,394,472,597
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	857,391,572	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>71,096,374,453</b>	<b>47,279,842,608</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.27	29,524,805,445	2,619,153,519
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	20,124,965,299	20,278,574,699
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.29	21,446,603,709	24,382,114,390
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>179,374,363,059</b>	<b>194,214,161,968</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.30</b>	<b>179,032,600,809</b>	<b>194,228,301,061</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		131,034,260,000	131,034,260,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1,682,000)	(1,682,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		31,892,305,811	31,760,058,963
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		13,011,857,996	13,011,857,996
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3,095,859,002	18,423,806,102
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>341,762,250</b>	<b>(14,139,093)</b>
1. Nguồn kinh phí	432	V.31	292,860,283	(91,430,000)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	V.32	48,901,967	77,290,907
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>322,108,303,916</b>	<b>323,216,199,558</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		7,507.07	7,667.01
Yên Nhật (¥)		14,290,988.00	7,551,988.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 25 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Đà Giang

Phạm Thị Hiếu

Nguyễn Thiện Mỹ

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		31,906,800,556	52,121,642,951
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		122,240,000	377,108,994
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	31,784,560,556	51,744,533,957
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	21,948,131,675	41,516,873,476
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9,836,428,881	10,227,660,481
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	595,429,655	1,718,883,074
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,173,203,256	1,244,003,773
Trong đó: chi phí lãi vay	23		942,042,475	1,459,916,120
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	5,381,131,024	4,824,622,460
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,877,524,256	5,877,917,322
11. Thu nhập khác	31	VI.6	937,529,656	43,160,136
12. Chi phí khác	32	VI.7	913,557,189	25,000,000
13. Lợi nhuận khác	40		23,972,467	18,160,136
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,901,496,723	5,896,077,458
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,059,311,861	1,189,562,846
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	315,134,924
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2,842,184,862</u>	<u>4,391,379,688</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>-</u>	<u>-</u>

Lập ngày 25 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Đà Giang

Phạm Thị Hiếu

Nguyễn Thiện Mỹ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		36,485,830,303	32,894,973,164
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(8,398,582,111)	(8,659,597,723)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2,697,801,300)	(7,020,996,326)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(96,228,654)	(57,140,071)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(213,318,223)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		64,918,547,571	52,100,481,920
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(78,736,366,812)	(66,072,538,814)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>11,262,080,774</b>	<b>3,185,182,150</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(127,065,177)	(161,812,448)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2,598,203,933	3,500,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(10,056,778,815)	(8,352,500,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		230,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		425,833,333	714,703,636
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(6,929,806,726)</b>	<b>(4,799,608,812)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		650,000,000	6,380,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3,835,505,500)	(8,643,364,414)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3,185,505,500)	(2,263,364,414)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1,146,768,548	(3,877,791,076)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5,720,640,886	11,940,376,558
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		96,017,728	(1,288,757)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	6,963,427,162	8,061,296,725

Lập ngày 25 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Đà Giang

Phạm Thị Hiếu

Nguyễn Thiện Mỹ

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, xây lắp.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
  - Xuất khẩu lao động
  - Giáo dục đào tạo
  - Kinh doanh bất động sản
  - Kinh doanh thương mại
- 4. Nhân viên**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty có 240 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 285 nhân viên).
- 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**  
Ngày 10 tháng 4 năm 2014 Hội đồng quản trị Công ty đã ra quyết định số 58/SIMCO-HĐQT về việc tạm ngừng hoạt động Trung tâm du lịch trực thuộc Công ty. Theo đó Trung tâm du lịch sẽ tạm ngừng hoạt động trong thời hạn từ ngày 20 tháng 5 năm 2014 đến ngày 20 tháng 5 năm 2015.

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- 1. Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)

---

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

#### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 35
Máy móc và thiết bị	5 -10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	8

#### 6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

#### 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

#### 9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)

---

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển được trích lập 100% trên giá gốc của khoản đầu tư theo Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển Quyết định tạm dừng hoạt động sản xuất của Công ty.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### **10. Chi phí trả trước dài hạn**

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### **11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### **12. Nguồn vốn kinh doanh**

##### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

#### **13. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### **14. Trích lập các quỹ**

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.085 VND/USD  
200,14 VND/JPY

30/6/2014 : 21.300 VND/USD  
209,13 VND/JPY

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)

---

### **17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Tiền bản quyền***

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

### **18. Tài sản tài chính**

#### ***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

#### ***Các khoản cho vay và phải thu***

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### ***Tài sản tài chính sẵn sàng để bán***

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)

---

### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## **19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## **20. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## **21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)

#### 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.347.830.368	1.779.770.215
Tiền gửi ngân hàng	3.615.596.794	3.366.624.271
Tiền đang chuyển	-	574.246.400
<b>Cộng</b>	<b><u>6.963.427.162</u></b>	<b><u>5.720.640.886</u></b>

##### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Số lượng</u> <u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u> <u>Giá trị</u>
Các khoản cho vay ngắn hạn		
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện</i>		
<i>Đăk Đoa</i>	-	2.598.203.933
<i>Công ty Cổ phần Rượu Việt</i>		
<i>Nam – Thụy Điển</i>	7.938.105.611	7.938.105.611
<b>Cộng</b>	<b><u>7.938.105.611</u></b>	<b><u>10.536.309.544</u></b>

##### 3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng về cung cấp dịch vụ	1.656.787.966	1.056.332.225
Phải thu các khách hàng về Xây lắp	3.783.139.848	4.471.814.499
Phải thu các khách hàng khác	-	487.825.322
<b>Cộng</b>	<b><u>5.439.927.814</u></b>	<b><u>6.015.972.046</u></b>

##### 4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán cho dự án Hà Tĩnh	5.188.146.850	5.188.146.850
Trả trước cho người bán dự án Phụng Hiệp	300.000.000	300.000.000
Các khoản trả trước khác	30.100.000	30.864.500
<b>Cộng</b>	<b><u>5.518.246.850</u></b>	<b><u>5.519.011.350</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu người lao động	228.018.350	249.925.546
Phải thu tiền ứng mua quyền khai thác mỏ	8.500.000.000	8.500.000.000
Hỗ trợ vốn cho Công ty Mysico	1.990.534.220	1.985.946.870
Phải thu tiền ứng thực hiện dự án Myanmar	1.500.000.000	1.500.000.000
Phải thu tiền ứng thi công dự án Hà Tĩnh	600.000.000	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	39.000.000	-
Phải thu khác	1.706.526.982	1.498.996.732
<b>Cộng</b>	<b>14.564.079.552</b>	<b>13.734.869.148</b>

#### 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	(150.000.000)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(280.000.000)	(1.118.177.111)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(988.177.111)	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(3.299.420.388)	(3.299.420.388)
<b>Cộng</b>	<b>(4.567.597.499)</b>	<b>(4.567.597.499)</b>

#### 7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	41.110.295	46.561.560
Công cụ, dụng cụ	26.030.491	28.093.472
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	101.507.436.638	110.880.590.094
<b>Cộng</b>	<b>101.574.577.424</b>	<b>110.955.245.126</b>

#### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí Công cụ dụng cụ	123.783.738	28.745.701
Chi phí bảo hiểm	32.987.422	18.751.401
Chi phí Website	7.500.000	-
Chi phí vận hành, sửa chữa	5.562.858	6.958.636
Tiền thuê đất năm 2014	7.221.136	-
<b>Cộng</b>	<b>177.055.154</b>	<b>54.455.738</b>

#### 9. Tài sản ngắn hạn khác

Là các khoản tạm ứng của Cán bộ nhân viên Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)****10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	56.150.327.605	1.538.386.679	3.844.390.592	278.274.915	305.826.000	62.117.205.791
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác				(54.536.364)	-	(54.536.364)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>56.150.327.605</b>	<b>1.538.386.679</b>	<b>3.844.390.592</b>	<b>223.738.551</b>	<b>305.826.000</b>	<b>62.062.669.427</b>
<b>Trong đó</b>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	2.016.937.833	663.832.836	732.381.229	223.738.551	-	3.636.890.449
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	10.728.449.148	1.352.130.256	3.226.036.552	278.274.915	79.642.200	15.664.533.071
Khấu hao trong kỳ	910.207.863	58.996.980	52.651.128	-	19.114.128	1.040.970.099
Giảm khác	-	-	-	(54.536.364)	-	(54.536.364)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>11.638.657.011</b>	<b>1.411.127.236</b>	<b>3.278.687.680</b>	<b>223.738.551</b>	<b>98.756.328</b>	<b>16.650.966.806</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	45.421.878.457	186.256.423	618.354.040	-	226.183.800	46.452.672.720
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>44.511.670.594</b>	<b>127.259.443</b>	<b>565.702.912</b>	<b>-</b>	<b>207.069.672</b>	<b>45.411.702.621</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

#### 11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	190.500.000	91.660.000	282.160.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>190.500.000</b>	<b>91.660.000</b>	<b>282.160.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	190.500.000	91.660.000	282.160.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	190.500.000	91.660.000	282.160.000
Tăng do khấu hao trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>190.500.000</b>	<b>91.660.000</b>	<b>282.160.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm			
Số cuối kỳ			

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự án Phụng Hiệp	2.309.020.651	-	-	2.309.020.651
Chi phí đầu tư khai thác mỏ tại Myanmar <sup>(*)</sup>	6.311.003.781	127.065.177	-	6.438.068.958
Dự án đầu tư xây dựng nhà máy khai thác Cát trắng	44.913.091	-	-	44.913.091
<b>Cộng</b>	<b>8.664.937.523</b>	<b>127.065.177</b>	<b>-</b>	<b>8.792.002.700</b>

<sup>(\*)</sup> Chi phí đầu tư vào Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà chưa đủ điều kiện ghi nhận là khoản đầu tư.

#### 13. Đầu tư vào công ty con

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 335/BKHĐT - ĐTRNN - ĐC1 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 17 tháng 8 năm 2012 cho phép Công ty Cổ phần Simco Sông Đà thành lập Công ty Cổ phần Hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà tại Myanmar.

Tổng số vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài đồng thời là vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 18.147.000 USD, tương đương 381.087.000.000 VND. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty Cổ phần Simco Sông Đà đã đầu tư là 36.513.644.823 VND, số còn phải đầu tư là 344.573.355.177 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa	2.762.000	27.620.000.000	2.762.000	27.620.000.000
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	2.397.000	23.970.000.000	2.397.000	23.970.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco-Fanxipan (*)	1.600.000	16.000.000.000	1.600.000	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành (*)	576.684	5.766.843.859	576.684	5.766.843.859
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà(*)	350.000	2.900.000.000	350.000	2.900.000.000
Công ty Cổ phần Xuất khẩu may Sông Đà	83.860	890.844.307	83.860	890.844.307
Công ty TNHH Simco Sông Đà <sup>(i)</sup>		-		1.150.000.000
<b>Cộng</b>		<b>77.147.688.166</b>		<b>78.297.688.166</b>

(\*) Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng do không thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty này.

<sup>(i)</sup> Trong kỳ Công ty đã thanh lý toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Simco Sông Đà theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 22052014/Simco-HDCN ngày 22 tháng 5 năm 2014.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Tên Công ty	Tỷ lệ vốn cam kết góp	Tỷ lệ vốn thực góp	Tỷ lệ lợi ích	Vốn góp thực tế
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa	29,19%	33,25%		27.620.000.000
Vốn góp của Công ty	27,48%	31,30%	31,30%	26.000.000.000
Vốn nhận ủy thác của CBCNV(*)	1,71%	1,95%		1.620.000.000
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	42,80%	42,80%		23.970.000.000
Vốn góp của Công ty	32,53%	32,53%	32,53%	18.220.000.000
Vốn nhận ủy thác của CBCNV(*)	10,27%	10,27%		5.750.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản SIMCO – FANSIPAN	45%	59,99%	59,99%	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Kim Thành Logistics	40%	26,94%	26,94%	5.766.843.859
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ Thông tin Sông Đà	35%	35,83%	35,83%	2.900.000.000
Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Sông Đà	20,97%	20,97%	20,97%	890.844.307
<b>Cộng</b>				<b>77.147.688.166</b>

(\*) Đây là các khoản nhận ủy thác đầu tư của cán bộ nhân viên Công ty theo các hợp đồng ủy thác đầu tư. Theo đó, Công ty được ủy thác để góp vốn thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan với tư cách là cổ đông của bên nhận góp vốn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)**15. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		13.745.000.000		13.745.000.000
<i>Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà</i>	<i>1.374.500</i>	<i>13.745.000.000</i>	<i>1.374.500</i>	<i>13.745.000.000</i>
Đầu tư vào đơn vị khác		7.759.000.000		7.759.000.000
<i>Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê<sup>(*)</sup></i>	<i>69.000</i>	<i>759.000.000</i>	<i>69.000</i>	<i>759.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng – Kratie<sup>(*)</sup></i>	<i>300.000</i>	<i>3.300.000.000</i>	<i>300.000</i>	<i>3.300.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu Tư Vĩnh Sơn</i>	<i>210.000</i>	<i>2.100.000.000</i>	<i>210.000</i>	<i>2.100.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà<sup>(*)</sup></i>	<i>100.000</i>	<i>1.100.000.000</i>	<i>100.000</i>	<i>1.100.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà Miền Trung<sup>(*)</sup></i>	<i>50.000</i>	<i>500.000.000</i>	<i>50.000</i>	<i>500.000.000</i>
<b>Cộng</b>		<b>21.504.000.000</b>		<b>21.504.000.000</b>

(\*) Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng do không thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty này

**16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết	18.816.518.943	19.505.360.144
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	-	803.082.441
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	18.220.000.000	18.220.000.000
- Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	325.961.154	325.961.154
- Công ty Cổ phần may Xuất khẩu Sông Đà	270.557.789	156.316.549
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	50.806.292	50.806.292
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà Miền Trung	50.806.292	50.806.292
<b>Cộng</b>	<b>18.867.325.235</b>	<b>19.556.166.436</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	19.556.166.436
Trích lập dự phòng bổ sung	114.241.240
Hoàn nhập dự phòng	(803.082.441)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>18.867.325.235</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)

#### 17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Giảm do phân loại lại	Số cuối kỳ
Chi phí CCDC	1.190.046.281	30.423.360	384.078.261	97.256.387	739.134.993
Chi phí sửa chữa	130.171.587	48.300.000	51.156.663	-	127.314.924
Chi phí thuê nhà	-	61.800.000	-	-	61.800.000
<b>Cộng</b>	<b>1.320.217.868</b>	<b>140.523.360</b>	<b>435.234.924</b>	<b>97.256.387</b>	<b>928.249.917</b>

#### 18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến Thuế TNDN tạm nộp 1% cho hoạt động chuyển nhượng Bất động sản. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	287.041.736
Số phát sinh	-
Số hoàn nhập	(114.455.273)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>172.586.463</b>

#### 19. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ dài hạn tại các ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
- Chi nhánh Quang Trung		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	725.986.000	152.456.000
- Chi nhánh Hà Tây		
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT tỉnh Thanh Hóa	33.592.100	33.592.100
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT tỉnh Nghệ An	11.965.800	11.947.400
<b>Cộng</b>	<b>1.771.543.900</b>	<b>1.197.995.500</b>

#### 20. Vay và nợ ngắn hạn

Là các vay cá nhân theo hợp đồng huy động vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất huy động do thỏa thuận giữa bên vay và bên đi vay phù hợp với lãi suất ngân hàng công bố từng thời điểm, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh khoản vay các cá nhân như sau

	Kỳ này
Số đầu năm	5.160.000.000
Số tiền vay phát sinh	650.000.000
Số tăng do lãi nhập gốc	-
Số tiền vay đã trả	(2.850.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.960.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****21. Phải trả người bán**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải trả người bán dự án Hà Tĩnh	4.536.238.415	4.536.238.415
Phải trả người bán dự án Vạn Phúc	329.649.320	493.844.320
Phải trả người bán về Xây lắp	461.464.055	917.911.000
Phải trả người bán khác	548.183.893	902.078.005
<b>Cộng</b>	<b>5.875.535.683</b>	<b>6.850.071.740</b>

**22. Người mua trả tiền trước**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Người mua trả trước tiền nhà Dự án đất 15% vạn Phúc	11.001.000.000	18.062.500.000
Tiền ứng trước của DA Hà Tĩnh	5.217.940.263	5.217.940.263
Tiền ứng trước Công trình nhà văn phòng	1.600.000.000	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	104.465.000	150.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.923.405.263</b>	<b>23.430.440.263</b>

**23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã nộp trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	395.161.262	487.917.973	817.778.859	65.300.376
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.239.834.030	944.856.588	213.318.223	2.971.372.395
Thuế thu nhập cá nhân	13.149.273	2.377.680	4.526.819	11.000.134
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	7.106.683.301	24.219.519	1.624.219.519	5.506.683.301
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.754.827.866</b>	<b>1.465.371.760</b>	<b>2.665.843.420</b>	<b>8.554.356.206</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ xuất khẩu lao động	0%
Các hoạt động khác	10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.901.496.723	5.896.077.458
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	913.557.189	101.250.001
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Tiền phạt chậm nộp NSNN	913.557.189	-
Các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ	-	101.250.001
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	4.815.053.912	5.997.327.459
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh Bất động sản	1.382.445.334	6.018.791.078
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	3.432.608.578	(21.463.619)

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	Năm nay	Năm trước
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Hoàn nhập thuế TNDN tạm nộp 1%	-	(315.134.924)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.059.311.861</b>	<b>1.189.562.846</b>
<b>Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng BĐS, nay được ghi nhận doanh thu trong kỳ</b>	<b>(114.455.273)</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>944.856.588</b>	<b>1.189.562.846</b>

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản**

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

#### **Thuế nhà đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## 24. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thù lao HĐQT	-	223.350.000
Chi phí thẩm tra quyết toán VĐT	124.348.434	124.348.434
Thiết kế thi công đường dây	32.162.824	32.162.824
Chi phí lãi vay	47.714.921	33.797.200
Chi phí phải trả khác	42.153.321	295.846.940
<b>Cộng</b>	<b>246.379.500</b>	<b>709.505.398</b>

## 25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	595.242.044	462.486.892
BHXH, BHYT, KPCĐ	2.216.487.033	1.476.962.001
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.455.000	883.699.695
Cổ tức phải trả	16.637.885.114	-
Phải trả của hoạt động Xuất khẩu lao động	8.205.065.431	8.035.608.592
Chi phí nhân công thuê ngoài	1.194.945.535	1.214.345.635
Nhận ủy thác đầu tư của CBNV	-	7.370.000.000
Tiền góp vốn dự án Myanmar	-	9.993.511.185
Tiền nhận đặt cọc hoàn thiện nhà	1.007.381.520	1.022.381.520
Phải trả CBNV tiền chi quá tạm ứng	647.847.989	529.655.804
Lãi chậm nộp tiền sử dụng đất	730.069.860	-
Các khoản phải trả khác	556.545.682	405.821.273
<b>Cộng</b>	<b>31.801.925.208</b>	<b>31.394.472.597</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)

#### 26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Trong kỳ Công ty chỉ trích lập quỹ khen thưởng, chi tiết số phát sinh như sau

	<b>Kỳ này</b>
Số đầu năm	-
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.400.000.000
Chi quỹ	(542.608.428)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>857.391.572</b>

#### 27. Phải trả dài hạn khác

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nhận vốn ủy thác đầu tư của CBNV	7.370.000.000	-
Nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư	19.061.114.259	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.093.691.186	2.619.153.519
<b>Cộng</b>	<b>29.524.805.445</b>	<b>2.619.153.519</b>

#### 28. Vay và nợ dài hạn

Là các khoản vay dài hạn các cá nhân theo Hợp đồng nhận tiền gửi có kỳ hạn với các cá nhân, thời hạn vay là 36 tháng với lãi suất theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại thời điểm gửi. Tiền lãi được trả 6 tháng một lần vào ngày cuối cùng của tháng thứ 6. Khi đến hạn trả lãi, sau 7 ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng của tháng thứ 6, bên cho vay không đến nhận lãi thì Công ty sẽ nhập lãi vào gốc để tính cho kỳ hạn tiếp theo.

##### **Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn**

Các khoản vay có kỳ hạn thanh toán từ 1 đến 3 năm.

##### **Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn**

Chi tiết phát sinh của vay dài hạn các cá nhân như sau:

	<b>Kỳ này</b>
Số đầu năm	20.278.574.699
Số tiền vay phát sinh	-
Tăng do lãi nhập gốc	831.896.100
Số tiền vay đã trả	(985.505.500)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>20.124.965.299</b>

#### 29. Doanh thu chưa thực hiện

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phí dịch vụ Xuất khẩu lao động	13.946.471.163	12.823.893.934
Tiền bán nhà dự án đất 15% Vạn Phúc	7.241.532.727	11.459.741.818
Phí dịch vụ đào tạo	258.599.819	98.478.638
<b>Cộng</b>	<b>21.446.603.709</b>	<b>24.382.114.390</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 30. Vốn chủ sở hữu

##### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm	131.034.260.000	(1.682.000)	31.760.058.963	13.011.857.996	18.423.806.102	194.228.301.061
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	2.842.184.862	2.842.184.862
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	132.246.848	-	(1.532.246.848)	(1.400.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(16.637.885.114)	(16.637.885.114)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>131.034.260.000</b>	<b>(1.682.000)</b>	<b>31.892.305.811</b>	<b>13.011.857.996</b>	<b>3.095.859.002</b>	<b>179.032.600.809</b>

##### *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Tổng Công ty Sông Đà	66.830.400.000	66.830.400.000
Vốn góp của các cổ đông khác	64.203.860.000	64.203.860.000
Cổ phiếu quỹ	(1.682.000)	(1.682.000)
<b>Cộng</b>	<b>131.032.578.000</b>	<b>131.032.578.000</b>

##### *Cổ tức*

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Trả cổ tức năm trước	16.637.885.114	-

##### *Cổ phiếu*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.103.426	13.103.426
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	13.103.426	13.103.426
- Cổ phiếu phổ thông	13.103.426	13.103.426
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	168	168
- Cổ phiếu phổ thông	168	168
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.103.258	13.103.258
- Cổ phiếu phổ thông	13.103.258	13.103.258
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

#### 31. Nguồn kinh phí

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(91.430.000)	(148.260.000)
Nguồn kinh phí được cấp	1.143.610.000	1.170.000.000
Chi sự nghiệp	(759.319.717)	(966.668.875)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>292.860.283</b>	<b>55.071.125</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)**32. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Số đầu năm	77.290.907	134.069.088
Nguồn kinh phí được cấp	-	-
Số khấu hao	(28.388.940)	(28.389.241)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>48.901.967</b>	<b>105.679.847</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu*****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Tổng doanh thu	31.906.800.556	52.121.642.951
Doanh thu bán hàng hóa	1.382.160	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.024.518.397	11.216.621.473
<i>Dịch vụ xuất khẩu lao động</i>	<i>12.894.641.131</i>	<i>8.233.943.477</i>
<i>Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác</i>	<i>3.129.877.266</i>	<i>2.982.677.996</i>
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	15.880.899.999	37.565.037.818
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	3.339.983.660
Các khoản giảm trừ doanh thu:	122.240.000	377.108.994
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>122.240.000</i>	<i>377.108.994</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>31.784.560.556</b>	<b>51.744.533.957</b>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	<i>1.382.160</i>	<i>-</i>
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>15.902.278.397</i>	<i>10.839.512.479</i>
- <i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	<i>15.880.899.999</i>	<i>37.565.037.818</i>
- <i>Doanh thu thuần hoạt động xây dựng</i>	<i>-</i>	<i>3.339.983.660</i>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1.382.160	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.126.633.078	9.586.965.092
<i>Dịch vụ Xuất khẩu lao động</i>	<i>8.811.390.768</i>	<i>7.710.707.840</i>
<i>Dịch vụ khác</i>	<i>1.315.242.310</i>	<i>1.876.257.252</i>
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	11.820.116.437	28.315.557.270
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	-	3.614.351.114
<b>Cộng</b>	<b>21.948.131.675</b>	<b>41.516.873.476</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	464.833.333	714.703.636
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	28.657.561	30.290.351
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	973.624.895
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	96.017.728	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.921.033	264.192
<b>Cộng</b>	<b>595.429.655</b>	<b>1.718.883.074</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	942.042.475	1.459.916.120
Lỗ thanh lý đầu tư vào Công ty liên kết	920.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.982	137.578.539
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.288.757
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(688.841.201)	(354.779.643)
<b>Cộng</b>	<b>1.173.203.256</b>	<b>1.244.003.773</b>

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.566.972.553	2.563.771.470
Chi phí vật liệu quản lý	39.918.534	100.675.323
Chi phí đồ dùng văn phòng	76.182.845	393.689.364
Chi phí khấu hao TSCĐ	33.301.754	154.538.713
Thuế, phí và lệ phí	50.093.597	59.535.882
Chi phí dự phòng	-	237.409.905
Chi phí dịch vụ mua ngoài	968.402.943	422.954.310
Chi phí bằng tiền khác	646.258.798	892.047.493
<b>Cộng</b>	<b>5.381.131.024</b>	<b>4.824.622.460</b>

#### 6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ phạt vi phạm lao động Xuất cảnh	39.250.870	43.160.136
Các khoản nợ không xác định được chủ	873.244.695	-
Thu nhập khác	25.034.091	-
<b>Cộng</b>	<b>937.529.656</b>	<b>43.160.136</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất dự án đầu tư	730.069.860	-
Lãi chậm nộp BH	183.487.329	-
Chi phí khác	-	25.000.000
<b>Cộng</b>	<b>913.557.189</b>	<b>25.000.000</b>

#### 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.543.223.056
Chi phí nhân công	9.890.938.443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.045.922.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.762.258.445
Chi phí khác	1.245.417.089
<b>Cộng</b>	<b>17.487.759.727</b>

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giảm các khoản nhận ký quỹ không bằng tiền	873.244.695	7.192.587.406
Nhập lãi vay vào gốc	831.896.100	1.304.617.124
Khoản đầu tư ngắn hạn tăng do lãi nhập gốc	-	973.624.895
<b>Cộng</b>	<b>1.705.140.795</b>	<b>9.470.829.425</b>

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch với các bên liên quan

##### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	644.873.180	691.012.875
Phụ cấp	11.940.000	120.000.000
<b>Cộng</b>	<b>656.813.180</b>	<b>811.012.875</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà	Công ty con
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkđoa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất khẩu may Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tài chính Sông Đà	Công ty cùng tập đoàn

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b><i>Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển</i></b>		
Cung cấp dịch vụ cho Simco Sông Đà	-	61.696.437
Vay công ty Simco Sông Đà	-	500.000.000
Simco Sông Đà hỗ trợ vốn	147.125.000	-

#### ***Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkđoa***

Gốc và lãi vay phải trả Simco Sông Đà	-	973.624.895
Chuyển trả tiền vay cho Simco Sông Đà	2.598.203.933	3.500.000.000

#### ***Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà***

Thuê văn phòng của Simco	234.959.891	234.959.891
--------------------------	-------------	-------------

#### ***Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà***

Góp vốn vào Công ty con	10.056.778.815	8.352.500.000
Hỗ trợ vốn cho Công ty con	479.367.750	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển</i></b>		
Phải thu tiền gốc và lãi vay	7.938.105.611	7.938.105.611
Phải thu về khối lượng xây lắp	1.976.354.222	1.976.354.222
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	185.975.240	38.850.240

#### ***Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkđoa***

Phải thu tiền gốc và lãi vay	-	2.598.203.933
------------------------------	---	---------------

#### ***Công ty Cổ phần May xuất khẩu Sông Đà***

Tiền chuyển nhượng vốn	310.000.000	310.000.000
------------------------	-------------	-------------

#### ***Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà***

Phải thu tiền hỗ trợ vốn	1.990.534.220	1.985.946.870
--------------------------	---------------	---------------

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà</b>		
Tiền thuê nhà	610.236.082	456.448.525
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 27</b>		
Ứng trước chi phí dự án	1.400.000.000	1.400.000.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>14.411.205.375</b>	<b>16.703.909.401</b>
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 27</b>		
Phải trả về khối lượng xây lắp hoàn thành	1.111.711.100	1.111.711.100
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>1.111.711.100</b>	<b>1.111.711.100</b>

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Xuất khẩu lao động: Cung cấp dịch vụ đưa người lao động đi làm việc tại nước ngoài.
- Lĩnh vực kinh doanh nhà và hạ tầng xây lắp: Xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, bán biệt thự, căn hộ liền kề.
- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khác: Cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, dạy học, các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động</u>	<u>Kinh doanh nhà và hạ tầng xây lắp</u>	<u>Kinh doanh dịch vụ khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Kỳ này</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	12.772.401.131	15.880.899.999	3.131.259.426	31.784.560.556
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>12.772.401.131</b>	<b>15.880.899.999</b>	<b>3.131.259.426</b>	<b>31.784.560.556</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.961.010.363	4.060.783.562	1.814.634.956	9.836.428.881
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(5.381.131.024)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				4.455.297.857

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)

	<b>Kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động</b>	<b>Kinh doanh nhà và hạ tầng xây lắp</b>	<b>Kinh doanh dịch vụ khác</b>	<b>Cộng</b>
Doanh thu hoạt động tài chính				595.429.655
Chi phí tài chính				(1.173.203.256)
Thu nhập khác				937.529.656
Chi phí khác				(913.557.189)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.059.311.861)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>2.842.184.862</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>593.202.560</b>	<b>737.573.965</b>	<b>145.428.498</b>	<b>1.476.205.023</b>
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	8.119.924.519	40.641.931.442	2.982.677.996	51.744.533.957
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>8.119.924.519</b>	<b>40.641.931.442</b>	<b>2.982.677.996</b>	<b>51.744.533.957</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	409.216.679	8.712.023.058	1.106.420.744	10.227.660.481
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(4.824.622.460)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				5.403.038.021
Doanh thu hoạt động tài chính				1.718.883.074
Chi phí tài chính				(1.244.003.773)
Thu nhập khác				43.160.136
Chi phí khác				(25.000.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.189.562.846)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(315.134.924)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>4.391.379.688</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>303.445.585</b>	<b>1.518.809.027</b>	<b>111.464.148</b>	<b>1.933.718.760</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>Kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động</b>	<b>Kinh doanh nhà và hạ tầng xây lắp</b>	<b>Kinh doanh dịch vụ khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	29.651.603.709	110.475.748.701	15.156.413	140.142.508.823
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				181.965.795.093
<b>Tổng tài sản</b>				<b><u>322.108.303.916</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	45.380.648.079	32.622.314.659	1.405.482.715	79.408.445.453
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				63.325.495.404
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b><u>142.733.940.857</u></b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	5.024.474.014	135.127.324.237	1.136.654.559	141.288.452.810
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				181.927.746.748
<b>Tổng tài sản</b>				<b><u>323.216.199.558</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	36.024.474.014	53.141.258.340	1.310.556.643	90.476.288.997
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				38.525.748.593
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b><u>129.002.037.590</u></b>

**Khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

#### *Tổng quan*

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Các khoản cho vay*

Công ty cho các công ty liên kết vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<b>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</b>	<b>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.963.427.162	-	-	-	6.963.427.162
Phải thu khách hàng	3.286.503.859	-	-	2.153.423.955	5.439.927.814
Các khoản cho vay	4.099.205.196	-	-	3.838.900.415	7.938.105.611
Các khoản phải thu khác	16.292.173.212	-	-	43.450.240	16.335.623.452
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	21.004.000.000	500.000.000	-	-	21.504.000.000
<b>Cộng</b>	<b>51.645.309.429</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>6.035.774.610</b>	<b>58.181.084.039</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.720.640.886	-	-	-	5.720.640.886
Phải thu khách hàng	3.862.548.091	-	-	2.153.423.955	6.015.972.046
Các khoản cho vay	6.658.558.889	-	-	3.877.750.655	10.536.309.544
Các khoản phải thu khác	14.932.864.648	-	-	-	14.932.864.648
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	21.004.000.000	500.000.000	-	-	21.504.000.000
<b>Cộng</b>	<b>52.178.612.514</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>6.031.174.610</b>	<b>58.709.787.124</b>

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	2.960.000.000	20.124.965.299	-	23.084.965.299
Phải trả người bán	5.875.535.683	-	-	5.875.535.683
Các khoản phải trả khác	10.755.896.993	3.093.691.186	-	13.849.588.179
<b>Cộng</b>	<b>19.591.432.676</b>	<b>23.218.656.485</b>	<b>-</b>	<b>42.810.089.161</b>

#### **Số đầu năm**

Vay và nợ	5.160.000.000	20.278.574.699	-	25.438.574.699
Phải trả người bán	6.850.071.740	-	-	6.850.071.740
Các khoản phải trả khác	10.804.182.122	2.619.153.519	-	13.423.335.641
<b>Cộng</b>	<b>22.814.253.862</b>	<b>22.897.728.218</b>	<b>-</b>	<b>45.711.982.080</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty giao dịch với các đối tác nước ngoài với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và đồng JPY do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	JPY	USD	JPY
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.507,07	14.290.988,00	7.667,01	7.551.988,00
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>7.507,07</b>	<b>14.290.988,00</b>	<b>7.667,01</b>	<b>7.551.988,00</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

#### **4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

##### *Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.963.427.162	-	5.720.640.886	-	6.963.427.162	5.720.640.886
Phải thu khách hàng	5.439.927.814	(1.165.246.844)	6.015.972.046	(1.169.846.844)	4.274.680.970	4.846.125.202
Các khoản cho vay	7.938.105.611	(3.358.900.415)	10.536.309.544	(3.397.750.655)	4.579.205.196	7.138.558.889
Các khoản phải thu khác	16.335.623.452	(43.450.240)	14.932.864.648	-	16.292.173.212	14.932.864.648
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	21.504.000.000	(50.806.292)	21.504.000.000	(50.806.292)	21.453.193.708	21.453.193.708
<b>Cộng</b>	<b>58.181.084.039</b>	<b>(4.618.403.791)</b>	<b>58.709.787.124</b>	<b>(4.618.403.791)</b>	<b>53.562.680.248</b>	<b>54.091.383.333</b>

##### *Nợ phải trả tài chính*

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	23.084.965.299	25.438.574.699	23.084.965.299	25.438.574.699
Phải trả người bán	5.875.535.683	6.850.071.740	5.875.535.683	6.850.071.740
Các khoản phải trả khác	13.849.588.179	13.423.335.641	13.849.588.179	13.423.335.641
<b>Cộng</b>	<b>42.810.089.161</b>	<b>45.711.982.080</b>	<b>42.810.089.161</b>	<b>45.711.982.080</b>

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)

---

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Lập, ngày 25 tháng 8 năm 2014

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

---

**Phạm Thị Đà Giang**

---

**Phạm Thị Hiếu**

---

**Nguyễn Thiện Mỹ**